

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU LUẬT DI SẢN VĂN HÓA NĂM 2024

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 (Luật DSVH năm 2024) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 23/11/2024. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để giữ gìn được những bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, lan tỏa các giá trị văn hóa tới bạn bè quốc tế, góp phần nâng cao vị thế quốc gia... Tầm quan trọng, vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội, của Chính phủ, là cơ sở để các cơ quan chức năng cụ thể hóa, xây dựng được các chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa¹.

Việc ban hành Luật DSVH (sửa đổi) nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà

¹ - Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện những quan điểm mới về quyền con người, trong đó có quyền văn hóa được thể hiện tại Điều 41: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”.

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó đã xác định nhiệm vụ “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa”.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó có nội dung xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nhất là, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 24 tháng 11 năm 2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xác định rõ vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội và là cơ hội để các cấp, các ngành xây dựng chiến lược phát triển văn hóa trong thời đại mới, với những nội dung chính: “Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới...”.

nước, tăng cường về phân cấp, phát huy nguồn lực xã hội và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ hội nhập, phát triển.

2. Cơ sở thực tiễn

Khắc phục bất cập của Luật DSVH năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Sau hơn 20 năm Luật DSVH được ban hành và hơn 10 năm được sửa đổi, bổ sung, sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã và đang được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, ngày càng được sự ủng hộ của đông đảo Nhân dân ở khắp mọi miền đất nước. Nhờ đó, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng hiệu quả, với những thành tựu đáng ghi nhận.²

Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa cũng dần bộc lộ một số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể. Do đó, việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật DSVH là hết sức cần thiết để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, điều chỉnh, cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

II. BỐ CỤC VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật DSVH gồm **09** chương, **95** điều với các nội dung cơ bản sau:

a) Chương I. Những quy định chung, gồm 9 điều (từ Điều 1 đến Điều 9)³

b) Chương II. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, gồm 11 điều (từ Điều 10 đến Điều 20)⁴.

² Theo số liệu thống kê năm 2023 (thời điểm đang xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa), đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố, 3.621 di tích quốc gia và 130 di tích quốc gia đặc biệt (trên tổng số 40.000 di tích đã được kiểm kê); khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 534 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận/ghi danh, bao gồm: 09 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 15 di sản văn hóa phi vật thể (trong đó 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 02 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp); 09 di sản tư liệu (03 di sản tư liệu thế giới, 06 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương)...

Hệ thống bảo tàng đã phát triển từ một vài bảo tàng được xây dựng từ thời Pháp thuộc thành một hệ thống gồm **203** bảo tàng (**126** bảo tàng công lập và **77** bảo tàng ngoài công lập) đang bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật - là di vật, cổ vật quý giá mang đặc trưng văn hóa của địa phương, vùng miền, quốc gia. Hiện nay, đã có 294 hiện vật, nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, trong đó **185** hiện vật, nhóm hiện vật đang được lưu giữ, bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị tại các bảo tàng.

³ Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Sở hữu di sản văn hóa; Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa; Ngày Di sản văn hóa Việt Nam và các hành vi nghiêm cấm. ...

⁴ Chương này quy định: Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể; Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; Danh mục, danh sách và tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung về di sản văn hóa phi vật thể; nh sách đối với

c) Chương III. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, gồm 02 mục và 30 Điều.

- *Mục 1: Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, gồm 19 Điều (từ Điều 21 đến Điều 39) quy định các nội dung*⁵:

- *Mục 2: Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, gồm 13 điều (từ Điều 39 đến Điều 52), quy định các nội dung*⁶:

d) Chương IV. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu, bao gồm 11 điều, (từ Điều 53 đến Điều 63)⁷

đ) Chương V. Bảo tàng, gồm 14 điều (từ Điều 64 đến Điều 77)⁸

e) Chương VI. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa, gồm 04 điều (từ Điều 78 đến Điều 81)⁹

nghệ nhân, chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể; Duy trì thực Ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể; Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; Duy trì thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể; Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể; Quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê và ghi danh; Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền; Biện pháp bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam; Biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội truyền thống.

⁵ Các loại hình di tích; Tiêu chí nhận diện di tích theo loại hình; Kiểm kê di tích và Danh mục kiểm kê di tích; Xếp hạng và hủy bỏ xếp hạng di tích; Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ xếp hạng, xếp hạng bổ sung, hủy bỏ quyết định xếp hạng và bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ khoa học di tích, di sản thế giới; Hoạt động phát huy giá trị di tích; Khu vực bảo vệ di tích, nguyên tắc xác định và cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích, điều chỉnh khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới; Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, thực hiện các hoạt động trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới; Dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở riêng lẻ, thực hiện hoạt động trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới; Dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ, thực hiện hoạt động nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới; Đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; Tổ chức, người đại diện được giao quản lý, sử dụng di tích; Nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích; Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Bảo quản thường xuyên, sửa chữa nhỏ, tu sửa cấp thiết di tích; Quy hoạch khảo cổ; Quản lý, bảo vệ địa điểm, khu vực khảo cổ; Thăm dò, khai quật khảo cổ.

⁶ Phân loại và xác định di vật, cổ vật; Giám định, điều kiện thực hiện giám định di vật, cổ vật; Sưu tầm, kiểm kê di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Đăng ký di vật, cổ vật; Công nhận, công nhận bổ sung, hủy bỏ công nhận bảo vật quốc gia; Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và xử lý di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp; Yêu cầu bảo vệ, bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bảo quản, phục chế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong nhà truyền thống, nhà lưu niệm, nhà trưng bày, thiết chế văn hoá khác; Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước và nước ngoài; Thu hồi, mua và đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước; Bán sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

⁷ Chương này quy định các nội dung: Phân loại và tiêu chí nhận diện di sản tư liệu; Kiểm kê di sản tư liệu và Danh mục kiểm kê di sản tư liệu; Danh mục và tiêu chí ghi danh, ghi danh bổ sung di sản tư liệu; Ghi danh, ghi danh bổ sung và hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu; Bảo quản di sản tư liệu; Nghiên cứu và sưu tầm di sản tư liệu; Phục chế di sản tư liệu; Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Đề án, dự án, kế hoạch và báo cáo định kỳ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh; Đưa di sản tư liệu được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước, nước ngoài; đưa di sản tư liệu có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước; Bán sao của di sản tư liệu.

⁸ Chương này quy định các nội dung: Hệ thống bảo tàng Việt Nam; Thành lập bảo tàng công lập; Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bảo tàng công lập; Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Nhiệm vụ của bảo tàng; Xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng và thẩm quyền xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng; Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập; Hoạt động sưu tầm hiện vật của bảo tàng; Hoạt động kiểm kê, tư liệu hóa hiện vật của bảo tàng; Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng; Hoạt động trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng; Hoạt động giáo dục của bảo tàng; Hoạt động truyền thông của bảo tàng; Hoạt động dịch vụ của bảo tàng.

⁹ Chương này quy định các nội dung: Kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Kinh doanh giám định di vật, cổ vật; Kinh doanh di vật, cổ vật; Kinh doanh dịch vụ bảo tàng.

(g) Chương VII. Điều kiện bảo đảm hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gồm 09 điều (từ Điều 82 đến Điều 90)¹⁰,

h) Chương VIII. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa, gồm 03 điều (từ Điều 90 đến Điều 92)¹¹

i) Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 93 đến Điều 95)¹²

2. Phạm vi điều chỉnh của Luật

Luật DSVH năm 2024 quy định về di sản văn hóa, hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 1).

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HÓA

Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH ngày 18/6/2009, Luật DSVH gồm 09 chương, 95 điều, tăng 02 chương, 22 điều so với Luật hiện hành (07 chương, 73 điều), Luật DSVH (sửa đổi) được xây dựng tập trung làm rõ 03 chính sách lớn gồm¹³:

1. Một số những nội dung **trọng tâm và điểm mới trong Luật DSVH**

1.1. Nội dung quy định chung

- Rõ các hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu chung và sở hữu riêng) và việc xác lập di sản văn hóa theo từng loại hình; rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của

¹⁰ Chương này quy định các nội dung: Nguồn tài chính để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa và chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa; Tuyên truyền, quảng bá, giáo dục truyền thông thông qua di sản văn hóa và phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường điện tử; Xã hội hóa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Sử dụng, khai thác di sản văn hóa; Quỹ bảo tồn di sản văn hóa

¹¹ Chương này quy định các nội dung: Trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa; Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia; Thanh tra chuyên ngành di sản văn hóa

¹² Chương này quy định các nội dung về: Sửa đổi, bổ sung luật có liên quan; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

¹³ Luật DSVH (sửa đổi) tập trung vào 03 nội dung chính trong các chính sách đã được Quốc hội thông qua, bao gồm: “Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục kiểm kê, nhận diện, ghi danh, biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể (di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia), di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng. Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các cơ quan trực tiếp quản lý di sản, tăng cường nội dung, trách nhiệm, cơ chế thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Chính sách 3: Tăng cường nội dung, cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa và thu hút, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”.

các đối tượng (chủ sở hữu, được giao quản lý trực tiếp, cộng đồng và xã hội); nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Quy định rõ các chính sách của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa và ưu tiên bố trí ngân sách thực hiện các hoạt động có tính đặc thù; đào tạo bồi dưỡng nhân lực; Bổ sung, quy định rõ hơn về các hành vi bị nghiêm cấm ở các lĩnh vực.

- Quy định về các hoạt động kinh doanh dịch vụ về di sản văn hóa.

- Nguồn lực cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá gồm nguồn tài chính, nguồn nhân lực; xây dựng, cập nhật quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về di sản văn hoá; phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường số; ứng dụng khoa học công nghệ thông tin, tuyên truyền quảng bá di sản; xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; sử dụng, khai thác di sản văn hoá; hợp tác công tư; hợp tác quốc tế; Quỹ bảo tồn di sản văn hóa.

- Quy định mới về cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hoá, rõ trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân các cấp; Thanh tra, chuyên ngành về di sản văn hoá.

- Quy định sửa đổi Luật Xây dựng về công trình bảo quản, tu bổ phục hồi di tích là công trình tính chất chuyên ngành.

- **Một trong những nội dung mới của Luật DSVH năm 2024** là bổ sung quy định về Ngày Di sản văn hoá Việt Nam. Ngày 23/11/1945, hơn 2 tháng sau khi nước nhà giành được độc lập, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL “Án định nhiệm vụ của Đông Phương Bác cổ Học viện”- Sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta về việc bảo tồn Di sản Văn hóa dân tộc. Ngày 24/2/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg về việc hàng năm lấy ngày 23 tháng 11 là “Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam”. Trên cơ sở đó, Luật DSVH năm 2024 đã quy định ngày 23 tháng 11 hàng năm là Ngày Di sản văn hoá Việt Nam nhằm khẳng định vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

2.2. Nội dung liên quan đến các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo từng lĩnh vực, loại hình di sản văn hóa

2.2.1. Di sản văn hoá phi vật thể¹⁴

2.2.2. Di tích¹⁵

2.2.3. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia¹⁶

¹⁴ - Quy định rõ 6 loại hình di sản văn hoá phi vật thể.

- Lập hồ sơ ghi danh di sản phân bố từ 2 địa phương trở lên, hồ sơ đa quốc gia.
- Quy định rõ việc duy trì thực hành, truyền dạy, sưu tầm, kiểm kê, tu liệu hoá.
- Tiêu chí, ghi danh, hủy bỏ ghi danh di sản, Đề án bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể được ghi danh, có nguy cơ mai một, thất truyền và chế độ chính sách đối với nghệ nhân, chính sách đặc biệt đối với nghệ nhân là chủ thể di sản văn hoá phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

¹⁵ - Bổ sung loại hình di tích hỗn hợp.

- Quy định rõ kiểm kê, công bố danh mục kiểm kê và bảo vệ, phát huy giá trị di tích trong Danh mục được kiểm kê.
- Quy định rõ việc bảo vệ đối với khu vực bảo vệ của di tích; nguyên tắc xác định khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II của di tích; khu vực tiếp giáp di tích không được xác định là khu vực bảo vệ II; việc điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích.

- Quy định rõ thẩm quyền chấp thuận ranh giới khu vực bảo vệ di tích, điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ di tích, khu vực tiếp giáp di tích không được xác định là khu vực bảo vệ II.

- Quy định rõ việc xếp hạng bổ sung, hủy bỏ công nhận di tích.

- Lập hồ sơ di tích từ 2 địa phương trở lên, hồ sơ đa quốc gia; quản lý di tích trên địa bàn 02 tỉnh/thành phố trở lên.

- Quy định rõ việc thực hiện các công trình, dự án trong và ngoài khu vực bảo vệ của di tích, di sản thế giới: dự án đầu tư, công trình kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở riêng lẻ trong và ngoài khu vực bảo vệ di tích, sử dụng khu vực biên đề thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và thực hiện các hoạt động kinh tế-xã hội theo quy định của các luật chuyên ngành; việc sửa chữa thường xuyên; tu bổ cấp thiết di tích.

- Quy định rõ việc thẩm định Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá và pháp luật về xây dựng; rút gọn quy trình thẩm định từ 02 cơ quan (xây dựng và văn hoá) còn 01 cơ quan thẩm định (văn hoá);

- Quy định thống kê hiện vật di tích, đưa thêm, di dời hiện vật trong di tích.

- Quy định rõ di tích phải có tổ chức quản lý, người đại diện chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; quy định rõ nhiệm vụ của tổ chức được giao quản lý di tích đối với di tích thuộc sở hữu toàn dân.

- Quy định về quy hoạch khảo cổ, điều kiện được thăm dò, khai quật khảo cổ và điều kiện của người chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ. Quy định về việc bảo vệ địa điểm, khu vực khai quật khảo cổ.

- Quy định rõ về di sản văn hoá dưới nước và biện pháp quản lý, bảo vệ di sản văn hoá dưới nước.

- Quy định chứng chỉ và giấy chứng nhận hành nghề lập quy hoạch di tích, lập dự án tu bổ di tích, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế tu bổ di tích, thi công và tổ chức giám sát thi công tu bổ di tích.

¹⁶ - Quy định rõ việc phân loại và xác định di vật, cổ vật (Điều 40).

- Giám định di vật, cổ vật; điều kiện tổ chức, cá nhân hành nghề giám định cổ vật (Điều 41).

- Quy định rõ các biện pháp bảo quản, sưu tầm, kiểm kê, xây dựng bộ sưu tập di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Điều 42).

- Quy định mới về cấp bằng công nhận bảo vật quốc gia, công nhận bổ sung bảo vật quốc gia, hủy bỏ công nhận bảo vật quốc gia (Điều 44).

- Quy định rõ việc bảo vệ và phát huy giá trị, rõ việc quản lý đối với di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc các hình thức sở hữu, theo hướng: trường hợp thuộc sở hữu toàn dân không được kinh doanh, mua bán, trao đổi, tặng cho, thực hiện hình thức chuyển quyền sở hữu khác hoặc để thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự; trường hợp di vật, cổ vật thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng được kinh doanh, mua bán, trao đổi, tặng cho, thực hiện hình thức chuyển quyền sở hữu khác hoặc để thực hiện biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự và để thừa kế ở trong nước. Không kinh doanh bảo vật quốc gia. Không kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật; Quy định rõ về kinh doanh di vật, cổ vật; Việc xử lý di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thu giữ được (Điều 45).

- Quy định cụ thể chế độ bảo vệ, bảo quản, phục chế di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, kho bảo quản (Điều 46 và 47).

- Quy định mới về trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gồm trưng bày thường xuyên, trưng bày chuyên đề, trưng bày có thời hạn ở trong nước và nước ngoài, trưng bày trên môi trường điện tử (Điều 48)

- Quy định mới bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong nhà truyền thống, lưu niệm, nhà trưng bày, thiết chế văn hoá khác (Điều 49).

- Quy định mới về việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước (Điều 50); đồng thời rà soát, bổ sung các quy định về đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở nước ngoài (Điều 50).

- Quy định mới về thu hồi, mua và đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước (Điều 51). Luật DSVH hiện tại chưa có các nội dung quy định về việc mua và đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước, đồng thời, trong các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 mới chỉ quy định về việc tặng cho tài sản. Dự thảo Luật quy định cụ thể việc mua và đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước và quy định những ưu đãi chính sách thuế nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức cùng tham gia trong việc này. Việc quy định cụ thể mua và đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước

2.2.4. Di sản tư liệu¹⁷

2.2.5. Hoạt động bảo tàng¹⁸

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT

1. Chuẩn bị nguồn nhân lực

Sau khi Luật DSVH (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, các cơ quan, tổ chức tiếp tục thực hiện các quy định về di sản mà không phát sinh về nhân lực. Nguồn nhân

ngoài về nước không chỉ để bổ sung, hoàn thiện các sưu tập cổ vật, bảo vật, di sản văn hóa bị thất lạc, “chảy máu” ra nước ngoài, mà còn khẳng định vị thế, tầm ảnh hưởng của dân tộc, đồng thời, góp phần đảm bảo tính toàn vẹn của di sản văn hóa - một nội dung quan trọng mà UNESCO rất chú trọng trong bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời thể hiện vai trò của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế tại các Công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Quy định rõ về việc làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, rõ về số lượng bản sao được làm (Điều 52).

¹⁷ Một trong những nội dung mới của Luật DSVH năm 2024 là bổ sung quy định mới về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu, trong đó quy định cụ thể:

- Phân loại và tiêu chí nhận diện, kiểm kê, ghi danh.

- Các biện pháp bảo vệ, bảo quản, nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày; phục chế, đưa di sản tư liệu sau khi được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài và ngược lại.

- Quy định rõ về việc làm bản sao và rõ về số lượng bản sao được làm.

¹⁸ - Phân loại hệ thống bảo tàng Việt Nam gồm bảo tàng công lập và ngoài công lập (Điều 64). Theo đó, Luật DSVH năm 2024 đã bỏ phân loại đối với bảo tàng công lập, bao gồm: bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành thuộc các Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương; bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh. Quy định về việc phân loại bảo tàng công lập trong Luật DSVH hiện hành gây khó khăn trong thực hiện khi khó xác định và không có tiêu chuẩn và cách hiểu bảo tàng nào là bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng cấp tỉnh (không rõ giữa bảo tàng tổng hợp và bảo tàng chuyên đề)...Do đó, mô hình tổ chức của bảo tàng công lập sẽ không quy định cụ thể trong Luật DSVH năm 2024 mà do cơ quan có thẩm quyền thành lập quyết định theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc phù hợp với mô hình của cơ quan tổ chức chủ quản.

- Bổ sung quy định mới về sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể bảo tàng công lập (Điều 66).

- Sửa đổi quy định về điều kiện thành lập bảo tàng do chưa phù hợp với mô hình bảo tàng ngoài công lập. Theo đó, Luật Di sản văn hóa tách riêng quy định về điều kiện thành lập bảo tàng công lập (Điều 65) và điều kiện thành lập bảo tàng ngoài công lập (Điều 67).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Theo đó, Luật đã phân cấp thẩm quyền cho người đứng đầu cơ quan văn hóa cấp tỉnh (Điều 67), Luật hiện hành thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Rà soát, bổ sung các nhiệm vụ cho bảo tàng (tại Điều 68): “ứng dụng khoa học công nghệ, tư liệu hóa, phục chế, quản lý hiện vật, trưng bày trên môi trường điện tử, trưng bày ở trong nước và nước ngoài, diễn giải truyền thông và giáo dục di sản văn hóa, tổ chức các hoạt động văn hóa phù hợp..”

- Quy định rõ việc xếp hạng, **xếp lại hạng** bảo tàng, tiêu chuẩn xếp hạng **bảo tàng**, thẩm quyền xếp hạng, **xếp lại hạng bảo tàng (Điều 69)**.

- Quy định về đầu tư, xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập phải có đề cương trưng bày được phê duyệt trước khi thực hiện dự án (Điều 70).

Trong hoạt động thực tiễn nhiều năm qua, việc đầu tư xây dựng bảo tàng tại một số địa phương hiện chỉ tập trung đầu tư cho công trình kiến trúc bảo tàng, chưa có sự quan tâm đúng mức đối với nội dung trưng bày của bảo tàng và các quy định chuyên ngành bảo tàng trong công trình kiến trúc. Do vậy, nhiều bảo tàng được đầu công trình nhưng vẫn chưa thể mở cửa trưng bày phục vụ khách tham quan, còn trình chưa bảo đảm chất lượng và hiệu quả, dẫn tới có nhiều bảo tàng đầu tư không đồng bộ giữa xây dựng công trình với trưng bày, thiết kế không phù hợp với công năng, nội dung trưng bày trưng lập... nên thiếu sức thu hút đối với công chúng. Do Bảo tàng là một thiết chế văn hóa đặc thù, có công năng sử dụng đa dạng từ bảo quản đến trưng bày phục vụ khách tham quan, nên phần công trình kiến trúc phải phù hợp để thỏa mãn công năng của bảo tàng. Vì vậy, Luật quy định cần phải có cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến về nội dung trưng bày, dự án công trình kiến trúc của bảo tàng để đảm bảo tính lịch sử, khoa học và có sự thống nhất chung trong công tác quản lý thực hiện việc trưng bày của bảo tàng trên toàn quốc; hạn chế lãng phí, trùng lặp và kém hiệu quả của công trình văn hóa bảo tàng.

- Quy định mới về các hoạt động chuyên môn đặc thù của bảo tàng như: Hoạt động sưu tầm hiện vật (Điều 71); Hoạt động kiểm kê, tư liệu hóa hiện vật của bảo tàng (Điều 72); Hoạt động bảo quản hiện vật của bảo tàng (Điều 73); Hoạt động trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng (Điều 74); Hoạt động giáo dục của bảo tàng (Điều 75); Hoạt động truyền thông của bảo tàng (Điều 76); Hoạt động dịch vụ của bảo tàng (Điều 77).

lực cho công tác triển khai thi hành Luật DSVH đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của quá trình thực thi. Đội ngũ nhân lực cần được phát triển đồng bộ cả về số lượng và chất lượng, bao gồm cán bộ quản lý nhà nước, chuyên gia trong lĩnh vực bảo tồn di sản, đội ngũ kỹ thuật viên, nhà nghiên cứu, và các lực lượng tham gia khác. Đặc biệt, cần chú trọng đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý và bảo vệ di sản văn hóa, bảo đảm họ được cập nhật kiến thức mới, nắm vững các quy định của Luật và kỹ năng ứng dụng công nghệ hiện đại trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Bên cạnh đó, việc xây dựng đội ngũ chuyên gia và nhà nghiên cứu có trình độ cao, am hiểu sâu về các loại hình di sản văn hóa là vô cùng cần thiết. Cần có chính sách thu hút và đãi ngộ đối với đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các chuyên gia giỏi trong nước và quốc tế. Đồng thời, thúc đẩy việc xã hội hóa nguồn nhân lực, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân vào công tác bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Nguồn nhân lực không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn phải có chiến lược phát triển lâu dài, gắn với đổi mới công nghệ và chuyển đổi số, để phù hợp với xu hướng bảo tồn di sản trong thời kỳ hội nhập và phát triển bền vững. Nguồn nhân lực cho công tác triển khai thi hành Luật DSVH là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả và tính bền vững của quá trình thực thi. Đội ngũ nhân lực cần được xây dựng và phát triển một cách đồng bộ, cả về số lượng lẫn chất lượng, để đáp ứng yêu cầu thực tế ngày càng cao trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa¹⁹.

¹⁹ Thứ nhất, đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp từ trung ương đến địa phương cần được củng cố, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng thực thi pháp luật về di sản văn hóa. Các chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu cần được tổ chức thường xuyên, bao gồm các nội dung như quản lý nhà nước về di sản văn hóa, kỹ năng giám sát, kiểm kê, lập hồ sơ di sản và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bảo tồn. Việc tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý cũng là cần thiết nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong triển khai luật.

Thứ hai, đội ngũ chuyên gia và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực di sản văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật, khoa học. Các chuyên gia cần có kiến thức sâu rộng về từng loại hình di sản, từ di sản văn hóa phi vật thể đến di tích lịch sử - văn hóa, di sản tư liệu và bảo tàng học. Nhà nước cần có cơ chế thu hút và đãi ngộ thỏa đáng đối với các chuyên gia đầu ngành, đồng thời khuyến khích hợp tác với chuyên gia quốc tế để học hỏi và chuyển giao các phương pháp bảo tồn tiên tiến.

Thứ ba, đội ngũ kỹ thuật viên và người lao động trực tiếp tham gia vào quá trình tu bổ, phục hồi và bảo quản di tích cần được đào tạo bài bản về các kỹ thuật truyền thống và ứng dụng công nghệ hiện đại. Việc cấp chứng chỉ hành nghề và giám sát chất lượng thi công là bắt buộc, nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp, chuẩn hóa trong quá trình thực hiện các dự án bảo tồn.

Thứ tư, cần có chính sách xã hội hóa nguồn nhân lực, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, các tổ chức phi chính phủ, khu vực tư nhân và người dân vào công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Điều này không chỉ huy động được nguồn lực xã hội mà còn giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tinh thần tự nguyện của cộng đồng đối với di sản văn hóa. Cần đặc biệt chú trọng đến việc truyền dạy và phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian, nhất là trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, tạo điều kiện để họ thực hành, truyền bá và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ năm, trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, đội ngũ nhân lực cần được trang bị kỹ năng về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và bảo tồn di sản. Việc số hóa dữ liệu di sản, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, sử

2. Chuẩn bị kinh phí

Để đảm bảo triển khai thi hành Luật DSVH (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể là:

- Cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, in ấn tài liệu, hợp đồng với các chuyên gia, báo cáo viên, các cơ quan truyền thông, trên các phương tiện thông tin đại chúng; Chi phí triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành và chi phí kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá... tình hình thực thi Luật theo định kỳ hoặc đột xuất; Chi phí xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

1. Dự báo tác động chính sách của Luật

Luật DSVH năm 2024 sẽ có tác động tích cực đến công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, Luật đã khắc phục được bất cập, hạn chế, sửa đổi bổ sung được những quy định phát sinh từ thực tiễn...tạo sự thống nhất đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.

Bên cạnh đó, sẽ có những tác động tiêu cực trong việc tổ chức thực hiện do Luật mới được ban hành, công tác hướng dẫn triển khai đôi khi sẽ không kịp thời, đầy đủ, sâu rộng đến đối tượng chịu sự tác động của luật nên sẽ có độ trễ nhất định khi thực thi...

2. Những vấn đề lưu ý khi thực hiện

Luật DSVH có hiệu lực từ 01/7/2025 sẽ tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tuy nhiên, để Luật thực sự đi vào thực tiễn, cần triển khai các biện pháp tuyên truyền đồng bộ, sâu

dụng công nghệ 3D, AI, và thực tế ảo (VR) trong việc lưu trữ, phục dựng di sản là những kỹ năng mới mà đội ngũ nhân lực cần được tiếp cận và làm chủ.

Thứ sáu, Nhà nước cần xây dựng chiến lược dài hạn về phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực di sản văn hóa, bao gồm đầu tư vào hệ thống giáo dục và đào tạo chính quy, mở rộng các chương trình hợp tác quốc tế và khuyến khích nghiên cứu khoa học. Việc này không chỉ bảo đảm nguồn nhân lực đủ khả năng đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn hướng đến mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa một cách bền vững trong thời kỳ hội nhập và phát triển toàn cầu.

rộng trên phương tiện truyền thông đại chúng, qua các hội nghị, hội thảo, tập huấn, hướng dẫn tổ chức thi hành từ trung ương đến địa phương để các chính sách của Luật đến được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, đối tượng chịu sự tác động của Luật.

VI. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT DI SẢN VĂN HÓA

1. Về nội dung tổ chức triển khai (quán triệt, phổ biến, tuyên truyền)

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Sở VH-TT-DL tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật DSVH. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân.

Việc phổ biến, tuyên truyền Luật, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan cần được thực hiện một cách thường xuyên, rộng khắp, đa dạng về hình thức và nội dung, phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc đưa các quy định của Luật đến gần hơn với cộng đồng. Đồng thời, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan phối hợp với Sở VH-TT-DL tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành bằng hình thức phù hợp với từng đối tượng, điều kiện, tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Cán bộ, công chức, viên chức và người có thẩm quyền thực thi pháp luật cần được đào tạo, bồi dưỡng để nắm vững và thực hiện đúng quy định của Luật. Đồng thời, sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa, tạo sự đồng thuận và ý thức trách nhiệm chung trong toàn xã hội.

1.2. Về ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật

Căn cứ các điều, khoản giao tại Luật DSVH 2024, căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 8, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch tham mưu trình các văn bản quy định chi tiết, cụ thể:

a) Các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ

(gồm 7 Nghị định)²⁰:

b) Các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (gồm 09 Thông tư)²¹:

Trên đây là nội dung giới thiệu, phổ biến Luật DSVH năm 2024, trong quá trình triển khai Luật sẽ tiếp tục kiến nghị, đề xuất bổ sung và hoàn thiện các nội dung liên quan để công tác quản trị, tuyên truyền, phổ biến đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân được hiệu quả./.

²⁰ - Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật DSVH (Điểm d Khoản 3 Điều 7; Khoản 7 Điều 25; Khoản 11 Điều 27; Khoản 5 Điều 37; Khoản 8 Điều 39; Khoản 5 Điều 41; Khoản 4 Điều 43; Khoản 4 Điều 44; Khoản 5 Điều 45; Khoản 7 Điều 50; Khoản 7 Điều 51; Khoản 8 Điều 52; Khoản 4 Điều 56; Khoản 6 Điều 60; Khoản 5 Điều 61; Khoản 10 Điều 63; Khoản 4 Điều 67; Khoản 5 Điều 69; Khoản 2 Điều 83; Khoản 7 Điều 85; Khoản 6 Điều 89; Khoản 2 Điều 91; Khoản 2 Điều 92);

- Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục của quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể (Khoản 5 Điều 17);

- Nghị định quy định về chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hoá phi vật thể (Khoản 3 Điều 14);

- Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập (Khoản 6 Điều 29; Khoản 5 Điều 30; Khoản 5 Điều 34; Khoản 4 Điều 35; Khoản 2 Điều 70);

- Nghị định quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ đủ điều kiện kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh di vật, cổ vật; chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật (Khoản 2 Điều 78; Khoản 2 Điều 79; Khoản 2 Điều 80);

- Nghị định quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam (khoản 6 Điều 25);

- Nghị định quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước (Khoản 4 Điều 39).

²¹ - Thông tư quy định về kiểm kê di sản văn hoá, công bố danh mục kiểm kê di sản văn hoá và việc đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích (Khoản 3 Điều 11; Khoản 4 Điều 23; Khoản 3 Điều 54; Khoản 4 Điều 31);

- Thông tư quy định chi tiết về nhiệm vụ chuyên môn của bảo tàng (Khoản 2 Điều 68);

- Thông tư quy định chi tiết về phân loại di vật, cổ vật (Khoản 3 Điều 40);

- Thông tư quy định chi tiết về gửi, lưu giữ hiện vật, tài liệu về di sản văn hoá phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu và việc nghiên cứu, sưu tầm và tư liệu hoá di sản văn hoá (Khoản 4 Điều 77; Khoản 5 Điều 16; Khoản 4 Điều 58);

- Thông tư quy định chi tiết về chương trình, tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (Khoản 3 Điều 84);

- Thông tư quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Điểm đ khoản 2 Điều 35);

- Thông tư quy định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Khoản 1 Điều 35);

- Thông tư quy định quy định chung về kho bảo quản di sản tư liệu (Khoản 7 Điều 57);

- Thông tư quy định di sản văn hoá hạn chế sử dụng, khai thác và hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa (Khoản 4 Điều 88, Khoản 3 Điều 85);